

Đáp án

1-D	2-B	3-A	4-C	5-A	6-D	7-C	8-A	9-B	10-C
11-A	12-C	13-C	14-A	15-A	16-D	17-A	18-B	19-B	20-D
21-C	22-B	23-C	24-C	25-C	26-A	27-D	28-A	29-D	30-A
31-C	32-D	33-B	34-A	35-C	36-D	37-B	38-C	39-C	40-D
41-A	42-C	43-C	44-D	45-B	46-A	47-D	48-C	49-D	50-B

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Đáp án D

Với non-verbal language không có mạo từ vì đây là một tập hợp rộng lớn, duy nhất, không dùng mạo từ.

Với important aspect dùng mạo từ không xác định vì đây là một danh từ chung bỏ nghĩa cho chủ ngữ.

Dịch nghĩa: Ngôn ngữ phi ngôn từ là một lĩnh vực quan trọng trong giao tiếp giữa cá nhân.

Câu 2: Đáp án B

So sánh kép (càng...càng)

The + comparative + S + V, the + comparative + S + V

Become + adj: trở nên như thế nào

Dịch nghĩa: Càng luyện tập nhiều, cô ấy càng tự tin hơn

Câu 3: Đáp án A

Câu gốc có thể là: "How many people are there in your family?" Ms.Brown asked me.

Khi chuyển về câu tường thuật, ta biến đổi nó thành một câu dạng trần thuật thông thường, từ được hỏi được chuyển ra sau và đồng thời lùi thì. Câu gốc dùng thì hiện tại đơn thì câu viết lại dùng quá khứ đơn.

Dịch nghĩa: Ms. Brown muốn biết nhà tôi có bao nhiêu người

Câu 4: Đáp án C

(to) deceive (v): lừa dối, không cho ai đó biết sự thật

(to) be deceived: bị lừa dối

Theo nghĩa của câu, ta cần dạng bị động nên chọn C.

Dịch nghĩa: Tôi tức vì cậu không nói sự thật cho tôi biết. Tôi không thích bị lừa dối.

Câu 5: Đáp án A

(to) change horse in midstream: thay ngựa giữa dòng (ý nói thay đổi giữa chừng)

Các đáp án còn lại:

B. (to) change for the better: cải thiện

C. (to) change one's tune: đổi giọng, đổi thái độ

D. (to) change hands: đổi chủ

Dịch nghĩa: Cô ấy học chuyên ngành Lịch sử ở Đại học, nhưng rồi thay đổi giữa chừng và hiện tại đang là bác sĩ.

Câu 6: Đáp án D

(to) concern with: bận tâm, quan tâm đến điều gì

Các đáp án còn lại không phù hợp:

A. (to) influence on: ảnh hưởng, tác động tới cái gì

B. (to) relate to: liên quan đến cái gì

C. (to) suffer from/with/for: chịu đựng cái gì

Dịch nghĩa: Công ích xã hội ngày nay phần lớn hướng đến người nghèo, già yếu và bệnh tật.

Câu 7: Đáp án C

Regardless of: Bất chấp, không kể, không quan tâm tới điều gì đó.

Các đáp án còn lại:

A. with reference to: Về vấn đề, có liên quan tới.

B. owing to = Because of = Due to: Bởi vì.

D. in terms of something; In something terms: Về mặt; dưới dạng.

Dịch nghĩa: Mục tiêu là đưa đến giáo dục bậc cao cho tất cả những ai muốn và có khả năng, bất kể tình hình tài chính của họ.

Câu 8: Đáp án A

(to) get down to sth/doing sth: bắt đầu bắt tay vào vào việc gì đó

(to) do household chores: làm việc nhà

Dịch nghĩa: Vừa về đến nơi chúng tôi đã làm việc nhà ngay.

Câu 9: Đáp án B

favorable (adj): dễ chịu, thuận lợi

Các đáp án còn lại:

A. favorite (adj): yêu thích

C. unfavorable (adj): không thuận lợi

D. favored (adj): được hưởng ân huệ

Dịch nghĩa: Nhờ thời tiết thuận lợi, Vietnam trồng được rất nhiều loại rau quả.

Câu 10: Đáp án C

Ngôi nhà được xây => dùng dạng bị động và đồng thời, do việc được xây đã xảy ra (vài năm trước) nên ta dùng have been built.

Dịch nghĩa: Ngôi nhà này được cho là mới được xây vài năm trước, vì nó trông còn khá mới.

Câu 11: Đáp án A

(to) be in love: yêu

Dịch nghĩa: Sau khi yêu nhau 2 năm, họ quyết định tiến tới hôn nhân.

Câu 12: Đáp án C

Labor-saving: tiết kiệm sức lao động

Các đáp án còn lại:

A. environment-friendly: thân thiện với môi trường

B. time-consuming: tốn thời gian

D. pollution-free: không ô nhiễm

Dịch nghĩa: Việc nhà đỡ mệt và chán hơn nhờ sự ra đời của các thiết bị tiết kiệm sức lao động.

Câu 13: Đáp án C

Bài viết chủ yếu nói về _____

A. Con người dùng ánh sáng để giữ nhiệt.

B. Sự cần thiết cho việc phát triển công nghệ mới trong hệ thống quang năng.

C. Năng lượng mặt trời đang được dùng ra sao.

D. Năng lượng mặt trời dùng trong hệ thống giao thông vận tải.

Ánh sáng mặt trời và cách nó được dùng là chủ đề chính trong bài. Ta có thể thấy rõ công dụng của quang năng qua mỗi đoạn.

Các đáp án còn lại sai vì:

A. chỉ mới đề cập được một phần nhỏ, không phải ý chính

B. bài viết giới thiệu về các hệ thống chuyển đổi quang năng, nhưng không có ý nói chúng lạc hậu và cần phát triển công nghệ mới.

D. giao thông vận tải không được nhắc đến trong bài.

Câu 14: Đáp án A

Trong đoạn đầu tiên, từ “fossil fuels” dòng 2 mang nghĩa _____

- A. chất đốt được hình thành qua hàng triệu năm từ phần còn lại của động thực vật
- B. năng lượng nguyên tử
- C. năng lượng mặt trời
- D. chất đốt có từ năng lượng gió

Fossil fuels (n): nhiên liệu hoá thạch = fuels formed millions of years from the remains of animals and plants

Câu 15: Đáp án A

Hạn chế của hạt nhân nguyên tử là _____

- A. nó truyền ra năng lượng dưới dạng các tia độc hại.
- B. nó tốn kém.
- C. nó thải ra khói.
- D. nó mất nhiều thời gian để hình thành

Câu cuối đoạn 1: “However, nuclear fission forms dangerous radioactive waste.”

(Tuy nhiên, hạt nhân thải ra các tia phóng xạ độc hại.)

Câu 16: Đáp án D

Để giúp độc giả hiểu về ích lợi của năng lượng mặt trời, tác giả _____

- A. liệt kê một loạt dự án quang năng.
- B. liệt kê theo thứ tự ra đời của các hệ thống tập hợp năng lượng mặt trời.
- C. mô tả chi tiết quy trình của hệ thống PV.
- D. so sánh ngắn gọn và tương phản sự khác biệt trong việc dùng nhiên liệu hoá thạch, hạt nhân nguyên tử và năng lượng mặt trời trong hệ thống điện năng.

Trong đoạn 1, tác giả đưa ra sự so sánh và tương phản ngắn gọn về các dạng năng lượng, nêu lên tác dụng và hạn chế của chúng, từ đó làm bật lên lợi ích của năng lượng mặt trời

Câu 17: Đáp án A

Phát biểu nào sau đây không đúng?

- A. Nguồn nhiên liệu hoá thạch là vô hạn.
- B. Quang năng là năng lượng từ mặt trời.
- C. Hệ thống PV cung cấp nguồn điện cho Trạm vũ trụ quốc tế.
- D. Cột năng lượng CSP có thể tạo hơi nước vào ban đêm.

Ta có: “Fossil fuels are expensive and limited sources of energy.” (Nhiên liệu hoá thạch đắt và có hạn.)

Câu 18: Đáp án B

Trong đoạn 3, từ “convert” gần nghĩa nhất với_____

- A. thay đổi hình thức một tôn giáo
- B. thay đổi, cải biến
- C. đổi sang thứ gì đó có giá trị tương đương
- D. nói chuyện (to) convert = (to) transform: thay đổi, biến đổi

Câu 19: Đáp án B

Trong đoạn 4, từ “which” nói đến _____

- A. nước
- B. hơi nước
- C. ánh sáng mặt trời
- D. năng lượng mặt trời

“The concentrated sunlight turns water into steam which turns a turbine that is connected to an electric generator.”

(Ánh sáng được tập trung chuyển nước từ dạng lỏng sang dạng hơi – làm xoay tuabin được nối với máy phát điện.)

Thứ làm xoay tuabin chính là hơi nước – steam.

Câu 20: Đáp án D

I'll say là thành ngữ, thể hiện sự đồng ý, đồng quan điểm.

- Hương: “Hàng triệu người dự lễ tang Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã khiến hầu hết người ngoại quốc rất ấn tượng.”

- Lan: “Tôi cũng nghĩ vậy.”

Các đáp án còn lại:

- A. Đó là vinh dự của tôi
- B. Tôi cũng không
- C. Tôi e là mình không thể

Câu 21: Đáp án C

- David: “Bố mẹ cậu hẳn rất tự hào vì thành tích ở trường của cậu.”

- Kathy: “Cảm ơn. Thật sự rất khích lệ.”

Các đáp án còn lại:

- A. Thật tiếc khi được biết
- B. Tôi mừng vì cậu thích nó
- D. Tất nhiên rồi

Câu 22: Đáp án B

Peace of mind: cảm giác yên tâm, không lo lắng

For one's own peace of mind = to stop your worrying: khỏi bận tâm, lo lắng Các đáp án còn lại:

- A. ngừng ngủ
- C. ngừng suy nghĩ
- D. ngừng tin tưởng

Dịch nghĩa: Tôi chân thành khuyên cậu nên mua bảo hiểm căn hộ để khỏi thêm lo lắng.

Câu 23: Đáp án C

(to) take on = (to) recruit: chiêu mộ, tuyển thêm người mới

Các đáp án còn lại:

- A. (to) dismiss (v): giải tán, đuổi, sa thải
- B. (to) create (v): tạo nên
- D. (to) interview (v): phỏng vấn

Dịch nghĩa: Mỗi năm tổ chức tình nguyện này lại tuyển thêm tình nguyện viên mới để giúp đỡ người nghèo khó.

Câu 24: Đáp án C

Mục đích chính của đoạn văn là gì?

- A. Chỉ ra rằng phần đa văn hoá được chủ tâm tiếp thu.
- B. Mô tả sự đa dạng văn hoá.
- C. Giải thích tầm quan trọng của các khía cạnh vô hình trong văn hoá.
- D. Giải thích tại sao mâu thuẫn văn hoá xảy ra.

Trong đoạn 1, tác giả giới thiệu về những khía cạnh vô hình trong văn hoá và từ đoạn 2 với câu chủ đề: "Invisible elements of culture are important to us." tác giả đi sâu vào giải thích tầm quan trọng của chúng, đồng thời đưa ra những ví dụ, dẫn chứng để chứng minh luận điểm của mình.

Câu 25: Đáp án C

Từ "deliberately" in đậm trong đoạn 1 gần nghĩa nhất với _____

- A. chậm, từ từ

- B. chính xác
- C. có chủ ý
- D. ngẫu nhiên

Deliberately = intentionally (adv): chủ tâm, có chủ ý từ trước

Câu 26: Đáp án A

Cụm “the tip of the iceberg” trong đoạn 1 có nghĩa _____

- A. phần lớn khía cạnh văn hoá không thể nhìn thấy
- B. chúng ta thường chỉ chú trọng hình thức tối cao của văn hoá
- C. các văn hoá khác có vẻ xa cách, lạnh lùng với chúng ta
- D. các khía cạnh bề nổi được tiếp thu qua các cơ quan chính quy

The tip of the iceberg: phần nổi tảng băng trôi.

Nguyên lý này nói đến những thứ ta dễ nhận thấy được chỉ là phần nổi của một sự vật, sự việc. Còn phần lớn hơn, quan trọng hơn lại là phần chìm, không nhận thấy được.

Tác giả có ý muốn nói phần lớn khía cạnh văn hoá là phần chìm mà ta không nhận thấy được.

Câu 27: Đáp án D

Điều nào sau đây không được đề cập đến như một ví dụ về văn hoá vô hình?

- A. Cách người ta thể hiện sự hứng thú với điều người khác nói.
- B. Mượn bao lâu thì bị coi là bất lịch sự.
- C. Chủ đề nào nên tránh trong các cuộc trò chuyện.
- D. Đồ ăn nào nên ăn trong toà án.

Câu 2 đoạn 2: “For example, how long we can be late before being impolite, what topics we should avoid in a conversation, how we show interest or attention through listening behavior...”

Như vậy dễ thấy cả A, B, C đều được đề cập. Chỉ có D sai.

Câu 28: Đáp án A

Từ “those” ở đoạn 2 nói đến _____

- A. quan niệm văn hoá vô hình
- B. những người từ nền văn hoá khác
- C. chủ đề nên tránh khi trò chuyện
- D. người nói ngôn ngữ khác

“When we meet other people whose invisible cultural assumptions differ from those we have learned implicitly, we usually do not recognize their behaviour as cultural in origin.”

(Khi gặp người có quan niệm văn hoá vô hình khác những gì mình quan niệm, ta thường không xem hành vi của họ là thứ thuộc về văn hoá.)

Như vậy those là thay thế cho cụm invisible cultural assumptions.

Câu 29: Đáp án D

Có thể suy ra từ đoạn 3 rằng mâu thuẫn xảy ra khi _____

- A. văn hoá này khó nhận biết hơn văn hoá kia
- B. người ta ganh đua với người từ nền văn hoá khác
- C. vài người nhận biết nhiều khác biệt trong văn hoá hơn người khác
- D. người ta đánh đồng khác biệt văn hoá với khác biệt quan điểm cá nhân

Câu 2 đoạn 3: “Conflicts may arise when we are unable to recognize others’ behavioural differences as cultural rather than personal.”

(Mâu thuẫn có thể xảy ra khi chúng ta không xem khác biệt trong cách hành xử của người khác như một đặc tính về văn hoá mà coi nó như vấn đề cá nhân.)

Câu 30: Đáp án A

Tác giả nói rằng những nơi như trường học hay cơ quan làm việc _____.

- A. củng cố khác biệt vô hình trong văn hoá
- B. nhận biết được khác biệt văn hoá
- C. củng cố chung một văn hoá
- D. dạy cho nhân viên về khác biệt văn hoá

Câu đầu đoạn cuối: “Formal organizations and institutions, such as schools, hospitals, workplaces, governments, and the legal system are collection sites for invisible cultural differences.”

(Các cơ quan tổ chức chính quy như trường học, bệnh viện, cơ quan làm việc, chính phủ và hệ thống pháp lý là nơi quy tụ những khác biệt vô hình trong văn hoá.)

Câu 31: Đáp án C

Điều nào sau đây dễ có khả năng gây hiểu nhầm nhất?

- A. Hành vi kì lạ từ ai đó nói ngôn ngữ khác mình.
- B. Học về văn hoá của mình tại trường học.
- C. Hành vi kì lạ từ ai đó nói chung ngôn ngữ.
- D. Thức ăn lạ miệng được nấu bởi du khách nước ngoài.

Đoạn cuối bài viết: “If the differences were more visible, we might have less misunderstanding. For example, if we met a man in a courthouse who was wearing exotic clothes, speaking a language

other than ours, and carrying food that looked strange, we would not assume that we understood his thoughts and feelings or that he understood ours. Yet when such a man is dressed similarly to us, speaks our language, and does not differ from us in other obvious ways, we may fail to recognize the invisible cultural differences between us. As a result, mutual misunderstanding may arise.”

Ý chính: Khi sự khác biệt rõ ràng ngay từ đầu chúng ta ít hiểu nhầm hơn. Ví dụ một người có bề ngoài khác mình, nói ngôn ngữ khác mình thì ta sẽ không cho là mình hiểu được anh ta hay anh ta hiểu được mình. Nhưng nếu một người về ngoài có vẻ không khác, lại nói chung ngôn ngữ thì ta sẽ cho rằng mình hiểu được anh ta. Tuy nhiên, quan niệm mới là cái quyết định hành vi, do đó dù cho vẻ ngoài giống nhưng quan niệm vô hình lại khác biệt thì mâu thuẫn từ đó sẽ dễ dàng xảy ra.

Câu 32: Đáp án D

Giải nghĩa: punctuality (n) sự đúng giờ >< being late: trễ giờ

Các đáp án còn lại:

A. being courteous: lịch sự, nhã nhặn

B. being cheerful: vui mừng, hoan hỉ

C. being efficient: năng suất

Dịch nghĩa: Tôi nhất định phải mua đồng hồ, vì công việc mới này rất quan trọng việc đúng giờ giáic.

Câu 33: Đáp án B

Giải nghĩa: discourteous = impolite = rude (adj): bất nhã, thô lỗ >< polite (adj): lịch sự, nhã nhặn

Các đáp án còn lại:

C. unacceptable (adj): không thể chấp nhận được

Dịch nghĩa: Việc hỏi người Mỹ về tuổi, hôn nhân hay thu nhập là rất bất lịch sự.

Câu 34: Đáp án A

“Sao cậu không tham gia tình nguyện đợt hè này nhỉ?” Sophie nói.

= Sophie gợi ý tôi nên tham gia tình nguyện đợt hè này.

Cấu trúc Why don't you... là lời gợi ý, đề nghị.

Các đáp án còn lại:

B. Sophie bắt tôi tham gia tình nguyện đợt hè này.

C. Sophie hỏi tôi tại sao không tham gia tình nguyện đợt hè này.

D. Sophie gợi ý tôi nên tham gia tình nguyện đợt hè này.

Câu D tương đương về mặt nghĩa nhưng sai cấu trúc ngữ pháp.

S + suggest + (that) + someone + (should) + V-inf

Câu 35: Đáp án C

Nếu không phải do cậu ta bắt cần, chúng tôi đã hoàn thành công việc.

= Nếu cậu ta cẩn thận hơn, chúng tôi đã hoàn thành công việc.

Các đáp án còn lại:

A. Cậu ta bắt cần vì chưa làm xong công việc.

B. Nếu cậu ta cẩn thận, chúng tôi sẽ làm xong công việc.

(dùng sai loại câu điều kiện làm sai ý nghĩa câu. Câu gốc dùng điều kiện loại 3 nhằm chỉ giả thiết về sự việc không có thực trong quá khứ, câu B dùng điều kiện loại 2 nói đến giả thiết về sự việc không có thực trong hiện tại.)

D. Vì cậu ta không bắt cần nên chúng tôi không làm xong việc.

Câu 36: Đáp án D

Tôi không chấp nhận nổi việc anh ta nói chuyện ngu ngốc khi mọi người đều đang nghiêm túc.

= Tôi ghét anh ta nói chuyện ngu ngốc khi mọi người đều đang nghiêm túc.

A. Mọi người nói chuyện nghiêm túc khi anh ta nói đại.

B. Tôi không ngại anh ta nói ngu ngốc khi mọi người nói chuyện nghiêm túc.

C. Tôi không thể hiểu được những gì anh ta nói khi mọi người nói đại.

Câu 37: Đáp án B

At school: ở trường

Trên thực tế, dùng in hay at school đều được.

At school được dùng khi chủ thể đang ở ngay tại trường.

In school mang nghĩa rộng hơn, có nghĩa là đang theo học tại trường, không cần có mặt ở đó ngay tại thời điểm nói.

Câu 38: Đáp án C

(to) last (v): kéo dài (khoảng thời gian)

Các đáp án còn lại:

A. (to) spend (v): dành ra (bao nhiêu thời gian)

B. (to) take (v): chiếm, tốn (bao nhiêu thời gian)

D. (to) continue (v): tiếp tục

Giờ nghỉ kéo dài 15 phút.

Câu 39: Đáp án C

(to) matter (v): tác động đến, có ý nghĩa quan trọng

(to) matter for someone: quan trọng với ai

Các đáp án còn lại:

A. (to) mean: có ý nghĩa (đi với giới từ to)

B. (to) relate: liên quan đến

D. (to) happen: xảy ra

Câu 40: Đáp án D

Which – thay thế cho vật hoặc đại diện cho cả vế câu, ở đây nó thay thế cho research

Các đáp án còn lại:

A. what – cái gì, nói đến sự vật sự việc chưa được nhắc đến trước đó

B. who – đại diện cho chủ ngữ là người

C. that – đại diện cho chủ ngữ chỉ người, vật, đặc biệt trong mệnh đề quan hệ xác định.

Câu 41: Đáp án A

Anymore than: không hơn gì, cũng như

Các đáp án còn lại:

B. sooner than: sớm hơn

C. other than: ngoài

D. rather than: hơn là

Câu 42: Đáp án C

Phần được gạch chân phát âm là /id/, các đáp án còn lại phát âm /d/

Cách phát âm “ed”

- Đuôi “ed” được phát âm là /id/: khi động từ có phát âm kết thúc là /t/ hay /d/.

- Đuôi ed được phát âm là /t/: Khi động từ có phát âm kết thúc là: /ch/, /p/, /f/, /s/, /k/, /th/, /ʃ/, /tʃ/.

- Đuôi ed được phát âm là /d/ trong các trường hợp còn lại.

Câu 43: Đáp án B

Phần được gạch chân phát âm là /ɪ/, các đáp án còn lại phát âm /aɪ/

A. survive /sə'vaɪv/: sống sót, tồn tại

B. prohibit /prə'hɪbɪt/: cấm

C. fertilizer /'fɜ:təlaɪzə/: phân bón

D. environment /ɪn'veɪrənmənt/: môi trường, không khí

Câu 44: Đáp án D

Trọng âm rơi vào âm tiết 2, các đáp án còn lại rơi vào âm tiết 1

- A. enter /'entə/: đi vào
- B. comment /'kɑ:.ment/: bình luận
- C. chemist /'kemɪst/: nhà hoá học
- D. proceed /proʊ'si:d/: tiếp tục, tiếp diễn

Câu 45: Đáp án C

Trọng âm rơi vào âm tiết 3, các đáp án còn lại rơi vào âm tiết 2

- A. communicate /kə'mju:nəkeɪt/: giao tiếp
- B. impossible /ɪm'pɑ:səbəl/: không thể
- C. intervention /,ɪntər'veɪʃən/: sự can thiệp, xen vào
- D. activity /æk'tɪvəti/: hoạt động

Câu 46: Đáp án A

Sửa: Establishing => Established

Chủ ngữ trong câu là LaGuardia - một trường học.

Ngôi trường này được thành lập; việc thành lập là bị động nên phải dùng quá khứ phân từ đứng đầu câu để thể hiện ý bị động.

Dịch nghĩa: Được thành lập từ năm 1984 cho sinh viên hứng thú với mỹ thuật và nhạc, LaGuardia là trường công lập đầu tiên với mô hình này.

Câu 47: Đáp án D

Sửa: significance => significant

Cần dùng tính từ bổ nghĩa cho danh từ benefits.

Câu 48: Đáp án C

Sửa: have => has

Chủ ngữ là US President Donald Trump, trợ động từ đi kèm phải là has.

Câu 49: Đáp án D

Câu ấy tỏ ra là một học sinh giỏi. Câu ấy cũng thể hiện mình là một vận động viên tài năng.

= Không chỉ tỏ ra là một học sinh giỏi, câu ấy còn thể hiện được mình là một vận động viên tài năng.

Các đáp án còn lại:

B. Cậu ấy không có vẻ là một học sinh giỏi nhưng thể hiện được mình là một vận động viên tài năng.

C. Một học sinh giỏi không chỉ thể hiện ra mà còn cho thấy mình là một vận động viên tài năng.

Đáp án A và D nghĩa tương đương, tuy nhiên A dùng sai cấu trúc.

Cấu trúc đảo ngữ: Not only + trợ ĐT + S + V but.... also...

Câu 50: Đáp án B

Corazon Aquino là người phụ nữ đầu tiên tại Phillipines. Bà trúng cử tổng thống.

= Corazon Aquino là người phụ nữ đầu tiên trúng cử tổng thống tại Phillipines.

Các câu nghĩa tương đương tuy nhiên sai cấu trúc.

Mệnh đề quan hệ dạng rút gọn dùng cụm động từ nguyên mẫu (to + V-inf) khi danh từ đứng trước có các từ sau bổ nghĩa: the first/the second/.../the last/ the only, so sánh nhất, mục đích,...

Eg: English is an important language which we have to master.

=> English is an important language to master.